

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/20121/HS-ST

Ngày: 02/8/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Xuân Toàn và ông Phạm Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2021/TLST-HS ngày 09/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HS ngày 21/7/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị B, sinh ngày: 25/6/1979; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định và bà Nguyễn Thị L (Đã chết); chồng: Chưa có; con: có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/6/2021 đến ngày 16/8/2021 tại thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa, sức khỏe tốt và tự bào chữa.

- Bị hại: Ông Lê Mộng B, sinh năm: 1947; nghề nghiệp: Hưu trí; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

- Người chứng kiến:

- Ông Nguyễn Tứ H, sinh năm: 1956; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

- Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Trường Tiểu học xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 22/5/2021, Nguyễn Thị B đi bộ đến nhà ông Lê Mộng B (sinh năm 1947) ở thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh chơi. Trong lúc ngồi nói chuyện, Nguyễn Thị B thấy nhà của ông Lê Mộng B bẩn nên lấy chổi quét dọn nhà cho ông B. Khi quét đến gian nhà có giường ngủ của ông Lê Mộng B, Nguyễn Thị B thấy có chiếc ví da màu đen để đầu giường nên nảy sinh ý định lấy trộm tiền trong ví. Lúc này, ông Lê Mộng B đang ở ngoài sân nên Nguyễn Thị B mở ví lấy năm tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng rồi cất giấu trong túi áo khoác nắng bên trái của mình, rồi để ví lại vị trí ban đầu. Thấy tiếng động, ông Lê Mộng B đi vào nhà. Nguyễn Thị B cầm chổi lên giả vờ quét nhà, đến khi ông Lê Mộng B đi ra ngoài sân, Nguyễn Thị B tiếp tục mở ví lấy một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng rồi cất giấu cùng số tiền trước đó đã lấy trộm. Sau khi lấy được tiền, Nguyễn Thị B đưa về nhà cất giấu dưới chiếu đầu giường ngủ của mình. Tổng số tiền Nguyễn Thị B đã lấy trộm của ông Lê Mộng B là 3.000.000 đồng.

Đến ngày 07/6/2021, Cơ quan điều tra triệu tập đến làm việc thì Nguyễn Thị B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

** Về tang vật thu giữ:*

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 3.000.000 đồng (thu giữ từ Nguyễn Thị B); 01 video thời lượng 58 giây lưu tại hồ sơ vụ án (thu giữ từ ông Lê Mộng B).

Quá trình điều tra đã xác định được số tiền trên là của ông Lê Mộng B nên cơ quan điều tra đã trả lại cho ông B.

** Về trách nhiệm dân sự:* Ông Lê Mộng B không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 22/CTr- VKS ngày 08 tháng 7 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm i Khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B mức án tù 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyết định, hành vi tố tụng theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại và một người chứng kiến nhưng xét thấy họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ và việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 293 Bộ luật tố tụng Hình sự quyết định xét xử vụ án.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người chứng kiến đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị B đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Như vậy, Cáo trạng số 22/CTr – VKS - ĐT ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội danh và điều khoản nêu trên cũng như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “*Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên*” quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, Bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[4]. Về căn cứ quyết định hình phạt: Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án nghiêm khắc đối với bị cáo, tuy nhiên bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Bên cạnh đó, bị cáo là người có trình độ học vấn thấp (lớp 1/2), một mình trực tiếp một mình nuôi con nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần

cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ nghiêm, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5]. *Về phần dân sự*: Bị hại ông Lê Mộng B không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6]. Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 3, Điều 6, Khoản 1 Điều 21, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm i Khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 3, Điều 6, Khoản 1 Điều 21, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị B phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Giao Bị cáo Nguyễn Thị B cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị B phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/8/2021), Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đ (02 bản);
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS Đ;
- Công an huyện Đ (THA);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ; Văn thư;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Việt Thắng